

Số: /2019/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số .../2019/QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2016/TT-NHNN).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN

1. Khoản 2 Điều 2 được sửa đổi như sau:



“2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).”

2. Khoản b Điều 3 được sửa đổi như sau:

“b) Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).”;

3. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 1 như sau:

“d) Quyết định việc thanh tra lại vụ việc đã được Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2, 3, 4 như sau:

“2. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng theo kế hoạch thanh tra hằng năm hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng về quyết định của mình.

3. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Ra quyết định thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này thuộc tổ chức tín dụng có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố; thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính tại địa bàn tỉnh, thành phố, thanh tra đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình.

4. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Ra quyết định thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này thuộc tổ chức tín dụng có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố; thanh tra các đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về quyết định của mình.”.

4. Khoản 2, 3, 4 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên hoặc Thanh tra viên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.

3. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải từ Phó Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên trở lên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng ... năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Công báo;
- Lưu: VP, CQTTGSNH, PC.

THỐNG ĐỐC

**Bản so sánh và thuyết minh những điểm khác nhau giữa dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của
Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về trình tự, thủ tục thanh tra
-chuyên ngành Ngân hàng**

1. Sự cần thiết ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN

Căn cứ các quy định của pháp luật về thanh tra, quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, trong đó có: Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7/4/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng; Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động, quan hệ công tác của Đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra; Thông tư số 03/2015/TT-NHNN ngày 20/3/2015 của NHNN hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7/4/2014; Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan TTGSNH trực thuộc NHNN, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng.

Ngày 17/5/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2014/NĐ-CP (Nghị định số 43/2019/NĐ-CP). Theo đó, Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung về tổ chức, hoạt động của Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số .../2019/QĐ-TTg quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan TTGSNH (Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg). Trên cơ sở các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và thực tiễn triển khai thực hiện Thông tư số 36/2016/TT-NHNN cho thấy việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN (sau đây gọi là Dự thảo Thông tư) là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

2. Bố cục của Thông tư và Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư

2.1. Về bố cục của Thông tư

Thông tư gồm 03 Điều, cụ thể:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN
- Điều 2: Trách nhiệm tổ chức thực hiện
- Điều 3: Hiệu lực thi hành

2.2. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN

(Ghi chú: Chữ gạch chân là bổ sung/sửa đổi, bổ sung; chữ in thường gạch ngang là bỏ đi)

Thông tư số 36/2016/TT-NHNN	Dự thảo Thông tư	Thuyết minh
(1)	(2)	(3)
<p>Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng;</p>	<p>Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 26/2014/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra, giám sát ngân hàng và Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt</p>	<p>Sửa đổi nội dung quy định đảm bảo phù hợp với Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày .../.../2019, Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg</p>

<p><i>Căn cứ Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;</i></p> <p><i>Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng.</i></p>	<p><i>động của Thanh tra, giám sát ngân hàng;</i></p> <p><i>Căn cứ Quyết định số .../.../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;</i></p> <p><i>Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;</i></p> <p><i>Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 36/2016/TT-NHNN).</i></p>	
	<p>Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN</p>	
<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Thông tư này áp dụng đối với:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng. 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trừ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội 	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>Thông tư này áp dụng đối với:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng. 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trừ Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Ngân hàng 	<p>Sửa đổi nội dung quy định đảm bảo phù hợp với Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày .../.../2019, Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg</p>

<p>nước chi nhánh thành phố Hà Nội (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh).</p> <p>3. Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra và công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành ngân hàng.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thanh tra tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	<p>Nhà nước chi nhánh).</p> <p>3. Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra và công chức được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành ngân hàng.</p> <p>4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thanh tra tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	
<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng</i> gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. <i>Thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng</i> là thanh tra một hoặc một số đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng.</p> <p>3. <i>Thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng</i> là thanh tra đồng thời trụ sở chính và tất cả hoặc một số đơn vị trực thuộc</p>	<p>Điều 3. Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. <i>Đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng</i> gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. <i>Thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng</i> là thanh tra một hoặc một số đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng.</p> <p>3. <i>Thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng</i> là thanh tra đồng thời trụ sở chính và tất cả hoặc một số đơn vị trực thuộc của tổ chức</p>	<p>Sửa đổi nội dung quy định đảm bảo phù hợp với Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày .../.../2019, Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg</p>

của tổ chức tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng.

4. *Thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng* là thanh tra đồng thời pháp nhân tổ chức tín dụng và tất cả hoặc một số pháp nhân tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng.

5. *Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng* là cơ quan thanh tra nhà nước, được tổ chức thành hệ thống, gồm:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được thành lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra,

tín dụng bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng.

4. *Thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng* là thanh tra đồng thời pháp nhân tổ chức tín dụng và tất cả hoặc một số pháp nhân tổ chức tín dụng là công ty con của tổ chức tín dụng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước, bằng một kế hoạch tiến hành thanh tra và ban hành một kết luận thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng.

5. *Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng* là cơ quan thanh tra nhà nước, được tổ chức thành hệ thống, gồm:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng);

b) Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) ~~được thành lập tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.~~

6. *Thanh tra lại* là việc xem xét, đánh giá, xử lý kết luận thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thanh



<p>giám sát ngân hàng.</p> <p>6. <i>Thanh tra lại</i> là việc xem xét, đánh giá, xử lý kết luận thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thanh tra, ra kết luận thanh tra.</p>	<p>tra, ra kết luận thanh tra.</p>	
<p>Điều 4. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra và thanh tra lại</p> <p>1. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng:</p> <p>a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;</p> <p>c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín</p>	<p>Điều 4. Thẩm quyền ra quyết định thanh tra và thanh tra lại</p> <p>1. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng:</p> <p>a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;</p> <p>c) Khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi có dấu hiệu đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, yêu cầu Giám</p>	<p>Sửa đổi nội dung quy định đảm bảo phù hợp với Nghị định số 43/2019/NĐ-CP ngày 17/5/2019, Quyết định thay thế Quyết định số 35/2014/QĐ-TTg</p>

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, yêu cầu Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc phân công thực hiện; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;

d) Quyết định việc thanh tra lại vụ việc đã được Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng trong phạm vi quản lý của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.

độc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành thanh tra đối với đối tượng thanh tra ngân hàng đã được Thống đốc phân công thực hiện; trường hợp Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh không đồng ý thì có quyền ra quyết định thanh tra, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình;

d) Quyết định việc thanh tra lại vụ việc đã được ~~Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước~~ chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; vụ việc đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh kết luận nhưng phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

2. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng:

a) ~~Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng~~ Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng theo kế hoạch thanh tra hằng năm hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng.



3. Khi xét thấy cần thiết, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

4. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính; thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi

b) Quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu rủi ro đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng về quyết định của mình.

3. ~~Khi xét thấy cần thiết, Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:~~

a) Ra quyết định thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này thuộc tổ chức tín dụng có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố; thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính tại địa bàn tỉnh, thành phố, thanh tra đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao.

b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu rủi

nhánh về quyết định của mình.

5. Khi xét thấy cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

ro đe doa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao; báo cáo và chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về quyết định của mình. ~~ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.~~

4. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Ra quyết định thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thanh tra Quỹ tín dụng nhân dân có trụ sở đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh; thanh tra đơn vị trực thuộc của tổ chức tín dụng thuộc trách nhiệm thanh tra của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, của Thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khác mà đơn vị trực thuộc này thuộc tổ chức tín dụng có trụ sở chính đặt tại địa bàn tỉnh, thành phố; thanh tra các đối tượng khác khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát



	<p><u>ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;</u>a) Ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính; thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc theo yêu cầu của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;</p> <p>b) Quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của đối tượng thanh tra ngân hàng hoặc khi có dấu hiệu <u>rủi ro</u> đe dọa đến sự an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc phạm vi quản lý được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về quyết định của mình.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng, thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng, thanh tra đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, thanh tra chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p>	
<p>Điều 6. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra</p> <p>1. Tiêu chuẩn chung của Trưởng đoàn thanh tra:</p>	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra</p> <p>1. Tiêu chuẩn chung của Trưởng đoàn thanh tra:</p>	<p>Luật thanh tra không có quy định bắt buộc Trưởng đoàn thanh tra phải là thanh tra viên.</p> <p>Khoản 1 Điều 8 Thông tư số</p>

<p>a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;</p> <p>b) Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;</p> <p>c) Có khả năng tổ chức, chỉ đạo các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.</p> <p>2. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng phải từ Phó Vụ trưởng của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Phó Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Thanh tra viên chính trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính trở lên hoặc Thanh tra viên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tài chính vi</p>	<p>a) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan;</p> <p>b) Am hiểu về nghiệp vụ thanh tra; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp những vấn đề liên quan đến nội dung thanh tra;</p> <p>c) Có khả năng tổ chức, chỉ đạo các thành viên trong Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ thanh tra được giao.</p> <p>2. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra hợp nhất tổ chức tín dụng phải từ Phó Vụ trưởng của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Phó Chánh thanh tra, giám sát Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc Thanh tra viên chính trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô và quỹ tín dụng nhân dân) phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính trở lên hoặc Thanh tra viên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p> <p><u>Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ tổ chức tài chính vi mô</u></p>	<p>05/2014/TT-TTCP quy định: “Điều 8. Tiêu chuẩn của Trưởng đoàn thanh tra</p> <p>1. Công chức được Tổng Thanh tra Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh Thanh tra bộ, cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cấp Tổng cục và tương đương, Cục thuộc bộ cử làm Trưởng đoàn thanh tra phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính hoặc tương đương trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:..”</p> <p>Căn cứ vào tình hình triển khai thanh tra, số lượng các đoàn thanh tra triển khai hằng năm ngày càng nhiều, do đó việc chỉnh sửa quy định của Thông tư số 36/2016/TT-NHNN để giảm tiêu chuẩn đối với công chức được cử làm Trưởng đoàn là hết sức cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu hiện nay.</p>
---	--	---

<p>mô, quỹ tín dụng nhân dân, đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải từ Phó Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên trở lên và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p>	<p><u>và quỹ tín dụng nhân dân) phải từ Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên chính trở lên hoặc tương đương trở lên hoặc Thanh tra viên đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</u></p> <p>34. Công chức được cử làm Trưởng đoàn thanh tra pháp nhân tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân, đơn vị trực thuộc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải từ Phó Trưởng phòng hoặc Thanh tra viên trở lên <u>đã tham gia ít nhất 02 Đoàn thanh tra</u> và phải đáp ứng các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều này.</p>	
--	---	--